

**CÔNG TY TNHH HỢP PHÁT QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HỢP PHÁT QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOP PHAT INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOP PHAT INTERNATIONAL CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110270496

**3. Ngày thành lập:** 02/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 134, Phố Hoàng Sâm, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962558687

Fax:

Email: [dietcontrungquocte@gmail.com](mailto:dietcontrungquocte@gmail.com) Website: [dietcontrungquocte.net](http://dietcontrungquocte.net)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                           | 4631     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                       | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                              | 4633     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                       | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                      | 4651     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                   | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                               | 4669     |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                         | 8292     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                      | 8299     |
| 11. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                | 9511     |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                        | 4690     |
| 13. | In ấn                                                                                                                                                    | 1811     |
| 14. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát                                                                                              | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ việc làm cho người lao động, hỗ trợ lao động cho doanh nghiệp (trừ hoạt động cho thuê lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7810        |
| 16. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7820        |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8110        |
| 18. | Vệ sinh chung nhà cửa<br>Chi tiết: - Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như:<br>+ Văn phòng,<br>+ Căn hộ hoặc nhà riêng,<br>+ Nhà máy,<br>+ Cửa hàng,<br>+ Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác,<br>Những hoạt động này chủ yếu là vệ sinh bên trong các công trình mặc dù chúng có thể bao gồm cả vệ sinh bên ngoài như cửa sổ hoặc hành lang.                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8121(Chính) |
| 19. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8129        |
| 20. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi;<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;<br>- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;<br>- Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển;<br>- Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;<br>- Quét đường và cào tuyết;<br>- Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu. | 8219        |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759        |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THỊ KIM PHƯỢNG | Việt Nam  | Tdp Cáo Đình 3, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 20,000    | 001184036052                                                                                            |         |
| 2   | BÙI THỊ TÚ         | Việt Nam  | Thôn 1, Xã Vân Nam, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 800.000.000           | 80,000    | 001181010658                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: BÙI THI TÚ

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/10/1981

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001181010658

Ngày cấp: 13/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn 1, Xã Vân Nam, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 1, Xã Vân Nam, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội